TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **54**/2020/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 7 năm 2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diệu
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Khởi
2. Bà Lê Thị Diễm Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách *tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Xuân Mai, Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" thụ lý số 497/2019/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020, và Quyết định Hoãn phiên tòa số 88/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 03 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Thúy H (tên thường gọi: B), địa chỉ: XX, ấp N, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

2. Bị đơn: Phạm Thanh S, địa chỉ: YY, ấp N, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 28 tháng 10 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thúy H trình bày: Giữa nguyên đơn với bị đơn là ông Phạm Thanh S kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ theo giấy chứng nhận kết hôn cấp ngày 19 tháng 11 năm 2009. Vợ chồng có 02 người con chung là Phạm Đại P sinh ngày 21/4/2012 và Phạm Vũ T sinh ngày 29/10/2016, hiện nay cả 02 cháu đang sống chung với cha mẹ. Quá trình chung sống do ông S thường xuyên rượu chè, đánh vợ con, nên cuộc sống chung không có hạnh phúc; vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay bà H xin ly hôn ông S; về con chung bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai cháu và không yêu cầu ông S cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là ông Phạm Thanh S, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông S nhưng ông S không có ý kiến trả lời, cũng không đến Tòa án để cung cấp lời khai và tham gia các phiên hòa giải.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và áp dụng các Điều 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình giao 02 con chung chưa thành niên cho bà H trực tiếp nuôi, ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Ông Phạm Thanh S là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông S xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà H nhận thấy vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do ông S thường xuyên rượu chè, không quan tâm gia đình, vợ con, thậm chí còn có đánh nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, nên bà H yêu cầu ly hôn ông S. Riêng về phía ông S, Tòa án đã triệu tập tham dự các phiên hòa giải ông đều vắng mặt, điều này cho thấy Tòa án đã tạo điều kiện thuận lợi để vợ chồng có cơ hội hàn gắn, đoàn tụ, nhưng ông S tỏ ra không quan tâm đến, không có thiện chí hợp tác. Tòa án đã xác minh ở chính quyền địa phương để tìm hiểu nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng nhưng địa phương không nắm được. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, nay bà H kiên quyết yêu cầu ly hôn, ông S thì không có thiện chí hợp tác để hàn gắn. Xét thấy mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[3] Về con chung: Bà H và ông S có 02 con chung hiện đang ở với cha mẹ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã trực tiếp hỏi nguyện vọng của con chung chưa thành niên trên 07 tuổi là cháu Phạm Đại P thì cháu cho biết nguyện vọng muốn được ở với mẹ nếu cha mẹ phải ly hôn. Xét thấy cần tôn trọng nguyện vọng của cháu P và để tạo điều kiện cho 02 cháu được sống gần gũi nhau, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cả 02 cháu P và T cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành. Ông S không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền thăm nom con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con theo quy định tại các Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về vấn đề cấp dưỡng, trên cơ sở tự nguyện của bà H không yêu cầu cấp

dưỡng, Hội đồng xét xử ghi nhận và không buộc ông S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án ly hôn và được giải quyết như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Thúy H được ly hôn ông Phạm Thanh S.

- *Về con chung:* Giao 02 cháu Phạm Đại P sinh ngày 21/4/2012 và Phạm Vũ T sinh ngày 29/10/2016 cho bà Nguyễn Thị Thúy H để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành; ông Phạm Thanh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà H tự nguyện không yêu cầu được ghi nhận. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông S, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thúy H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002501, ngày 06/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- UBND xã Đ, huyện K-ST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Diệu